



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DANG VIENG
Last Middle First

Current Address: 202 'DC/9' Ong-ich-Khem - P.5 - Q.11 - Hochiminh City

Date of Birth: 05-18-1945 Place of Birth: Hoang Lien Son

Previous Occupation (before 1975) Corporal
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-28-75 To 11-08-1982
Years: 07 Months: 05 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI KHUIC	06-18-50	wife
NGUYEN THI THUY LINH	07-12-71	daughter
NGUYEN DANG PHAT	10-24-73	son
NGUYEN DANG BIEU	09-13-75	son
NGUYEN DANG DUONG	15-19-89	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC INFORMATION OF EX-POLITICAL PRISONER.--

- 1) Full name (get used prior) : NGUYỄN-DANG-VIỆNG
- 2) Date/Place of birth : May 18th, 1945 at Nghĩa-Lập District Town (Hoàng-liên-Sơn)
- 3) Position before April 1975 :
 - last rank : Private 2nd class. Military serial number : Forgotten,
 - last unit : 3/3 Battalion (Regiment 3), the First Infantry Division.
 (PLEASE SEE SECTION V in this questionnaire).
- 4) Month, date, year arrested : June 28th, 1975.
- 5) Month, date, year out of camp : November 28th, 1982.
- 6) Photocopy a Release certificate : number 139/LT(130) from The Criminal Investigation Service.
- 7) Present mailing address : NGUYỄN-DANG-VIỆNG (C/o NGUYỄN-THỊ-KHÚC, my wife)
 202-DC/9-A Ông-Ích-Khiêm street, Phường 5, 11th District, Hồ-Chí-Minh City, Vietnam.
- 8) Current address : I am temporarily residence at : 202-DC/9-A Ông-Ích-Khiêm street, Phường 5, 11th District, Hồ-Chí-Minh City, Vietnam.
- 9) USA Medals, awards : I was awarded a sum of money 500,000 Vietnamese piastres after I get freed two American Prisoner at Bù-Dũng, Bù-Đốp, Đức-lập and moving them to Phước-Lơng Airfield (see NGUYỄN-BA file).

II) List full name, date/place of birth of ex-Political prisoner immediate family.--

A) Relatives to accompany with ex-political prisoner to the USA :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship to me
1) NGUYỄN-THỊ-KHÚC	: June 18, 1950 :	Gia-lân	: F :	M :	Wife.
2) NGUYỄN-THỊ THỦY-LINH	: July 12, 1971 :	Saigon	: F :	S :	Daughter.
3) NGUYỄN-DANG-PHẬT	: Oct. 24, 1973 :	Saigon	: M :	S :	Son.
4) NGUYỄN-DANG-BIỂU	: Sept. 03, 1975 :	Saigon	: M :	S :	Son.
5) NGUYỄN-DANG-DƯƠNG	: May 19, 1989 :	Saigon	: M :	S :	Son.
	:	:	:	:	:

B) Complete family listing (living/dead) :

Name	:L/Dead:	Address
1) <u>Father</u> : Nguyễn-dăng-Diem	: Dead :	
2) <u>Mother</u> : Nguyễn-thị-Gái	: Dead :	
3) <u>Spouse</u> : Nguyễn-thị-Khúc	: Living :	202-DC/9-A Ông-Ích-Khiêm, Hồ-Chí-Minh City.
4) <u>Children</u> :	:	:
- Nguyễn-thị Thủy-Linh	: Living :	202-DC/9-A Ông-Ích-Khiêm, Hồ-Chí-Minh City.
- Nguyễn-dăng-Phật	: " :	-id-
- Nguyễn-dăng-Biểu	: " :	-id-
- Nguyễn-dăng-Dương	: " :	-id-
5) <u>Siblings</u> :	:	:
- Nguyễn-thị Thu-lân (Sis.)	: Living :	(DOB:1951) Nghĩa-Lập, Hoàng-liên-Sơn.
- Nguyễn-dăng-Thắng (Bro.)	: " :	(DOB:1953) -id-
- Nguyễn-dăng-Lợi (Bro.)	: " :	(DOB:1955) Phú-Yên Reeducation Camp, Hoàng-liên-Sơn
- Nguyễn-dăng-Lộc (Bro.)	: " :	(DOB:1957) Nghĩa-Lập, Hoàng-liên-Sơn.
- Nguyễn-dăng-Thêm (Bro.)	: " :	(DOB:1959) -id-
- Nguyễn-thị-Tươi (Sis.)	: " :	(DOB:1961) -id-
- Nguyễn-dăng-Xuan (Bro.)	: " :	(DOB:1963) -id-
- Nguyễn-thị-Đào (Bro.)	: " :	(DOB:1965) -id-

Please, see reverse side.

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.-

None.

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR YOUR FAMILY ?

- 1) reunification until now ? No.
- 2) Reply from Bangkok ODP : No.
- 3) The ODP Bangkok's LOI : No.

V. COMMENTS, REMARKS.-

- At first, I was a Communist Vietnam soldier with rank Corporal of 6th Company, 7th Battalion, 31st Regiment, 2nd Division, function Vice-leader of Squad.
- Then, in May 1969 I left from Communist troop to return to the Republic of Vietnam side as a Returnee at Quảng-Nam Pà-nh. And I enroll the name of mine into the Armed Forces RVN from June 1969 at 68th Group, Liaison Service, J7-4Gz (ARVN) to 1971 this 68th Group, Liaison Service disbanded.
- In May 1972 I enlisted to 3rd Battalion, 3rd Regiment, the First Infantry Division (Thua-Thien) and May 1973 I was wounded-in-action and I was discharged in honorable from then.
- On June 28, 1975 I was captured into the Re-education Camp because I escaped Communist side in order to rally the National cause (RVN) to versus the Revolutionary Authorities. I had studied in Re-education Camp from June 28, 1975 to November 28, 1982 then I was violated returning to the native's birth place at Nghia-Lô, Hoang-Lien-Son, but I didn't come back there. And I arrived to my wife's address at 202-DC/9-A Ông-ích-Khiêm street, Phường 5, Quận 11, Ho-Chí-Minh City for temporary residence, from then till now.
(PLEASE SEE RELEASE CERTIFICATE OF THE CRIMINAL INVESTIGATION SERVICE).
- As for my individual documents showing the relationship to my job to ARVN, they was confiscated by Socialist Republic Vietnam Authorities, so I regret that I can't obtain these document to you for justifiating my position in ARVN. Would you mind checking all of records document that they records at Records Center of USA.
- I explained to you to justify that I was a Returnee to serve in ARVN.
- I was classified as category III of ODP's.
- According to the new procedure of SRH, we must obtain a Letter of Introduction ~~xxxxx~~ from the Bangkok's, we have a LOI they will grant Exit-Permit to us. Please enroll the name of whole family in the Section II-A in the Entry-Visa Working List between two government. Would you mind issue a Letter of Introduction that I can apply for Exit-Permit easily.
- Looking forward to hearing from you soon, I remain, dear Sir.

VI. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.-

- 1 Photocopy a Release Certificate.
- 1 Photocopy a Marriage Certificate.
- 6 Birth certificates.
- 1 Photocopy Household's Book.
- 1 Photocopy People's Credential of my wife.

June 30th, 1989.

Respectfully yours,


NGUYEN-LANG-VIENG

Số 130/LT(130)

130/130

LỆNH THA

CỤC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Họ tên

Nguyễn Văn Tiến

Tuổi

10/10

Sinh quán

Thị trấn Nghi Lộc

Hồng Lĩnh Sơn

Tên thật

- nt -

Nghề nghiệp hoặc chức vụ cũ trước khi phạm pháp

Thợ mỏ

C6.DY.E31.F2

Bị bắt giam ngày 28 tháng 6 năm 1975

Trong phiên tòa ngày tháng năm 19

Tòa án nhân dân ở Khu II Xứ ủy vùng 17/HS đã xử phạt 9 năm

tù giam hết mức lương

Về tội TRộm cắp tài sản

Đã được giảm án 4 lần từ 19 tháng 9 năm 80 04/TA (12.1.80) và 439/TA (8.9.80) 449/TA (8.1.81) + 433/TA (11.1.82) TACCTW

Xét đề nghị của trại giam xét kết quả cải tạo của anh Tiến đạt kết quả khá. Tính đến 18.11.82 hết hạn cải tạo

Nay tha về thị trấn Nghi Lộc Hồng Lĩnh Sơn

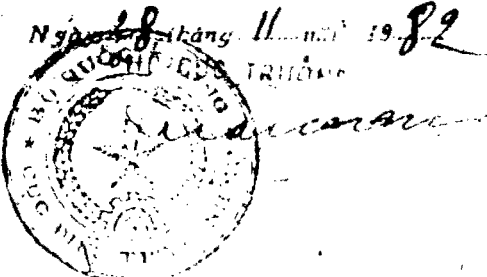
GHI CHÚ

Trại cải tạo ghi vào giấy ra trại của

anh

phải tiếp tục bồi thường khoản tiền

cho



THỦ TƯỚNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN 11

Số hiệu 192

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG

NGUYỄN ĐĂNG VIỄN

nghề - nghiệp

Tài Xổ

sinh ngày

18

tháng

5

năm

1945

tại

Thị Trấn Nghĩa Lộ (BP)

cư trú tại

202 DG/24

Phủ-Thọ

tạm trú tại

Q.11

Tên họ cha chồng

NGUYỄN ĐĂNG DIỄM

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

NGUYỄN THỊ GAI

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ

NGUYỄN THỊ KHUOC

nghề - nghiệp

Nội trợ

sinh ngày

18

tháng

6

năm

1950

tại

Đại Thôn, Gia Lâm (BP)

cư trú tại

202 DG/24

Phủ-Thọ

tạm trú tại

Q.11

Tên họ cha vợ

NGUYỄN HUU CA

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

NGUYỄN THỊ CAT

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn thú

22

tháng

10

năm

1971

Vợ chồng khai có hay không

ngày

tháng

năm

tại

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH: N/6

Saigon, ngày 8 tháng 9 năm 1972

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN MƯỜI MỘT

TL-Viên-Chức Hộ-Tịch



Handwritten signature

NGUYỄN-ĐĂNG-NH 11

Số : 4094.HT (1)

MTT.6

Ngày 22 tháng 7 năm 19 71 (1)

GIẤY THẺ - VÌ KHAI-SANH CHO

Nguyễn Đăng Viêng

Năm một ngàn chín trăm 71 ngày 22 tháng 7 hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là Phan Văn Tư Chánh-án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Tran thi Bích Ngọc

ĐÃ TRÌNH-DIỆP :

1.-

Đang Văn Kiem

2.-

Nguyễn thi Teo

3.-

Nguyễn thi Van

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

Nguyễn Đăng Viêng (nam)

sinh ngày 18.05.1945 tại Thị-Trấn, Nghĩa-Lộ (Bắc-Phần) con

Ông "guyễn Đăng Diễm và Bà Nguyễn thị Gái .

Và duyên có mà đương sự không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai
sinh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-dịnh ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ tứ 2 đến 5 năm tù
và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

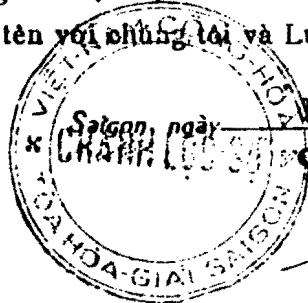
LỤC-SAO Y,

12 tháng 8 năm 19 71

CHÁNH - LỤC - SỰ.

GIÁ TIỀN : 15800

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



PHẠM-CÔNG-NGHIỆP

GIẤY THẺ - VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN THỊ KHÚCNăm một ngàn chín trăm 58 ngày 20 tháng 6 hồi 9 giờTrước mặt chúng tôi là Nguyễn văn Doanh Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại Văn-phòng Chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

Phạm văn Mạnh

ĐÃ TRÌNH-DIỄN:

- 1.— Nguyễn Hữu By
- 2.— Nguyễn Bình Rat
- 3.— Hạp tiến Khương

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

- NGUYỄN THỊ KHÚC (nữ) sanh ngày 18.6.1950 tại Đại Than, Gia L
Bắc Phần, con của Nguyễn hữu Ca và Nguyễn thị Cát.

Và duyên-cớ mà cha thị không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Xem cước trang sau :

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận như trên đây, nên Chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai
sanh này cho. đương-sự đề sử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và
phạt bạc từ 200 đến 8000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ

LỤC SAO Y.

Saigon, ngày 4 tháng 9 năm 197 2

CHÍNH - LỤC - SỰ.

GIÁ TIỀN : 15\$00

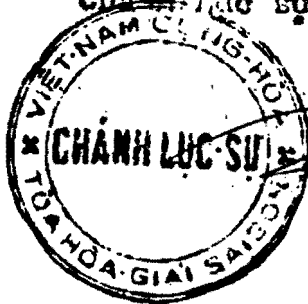
4) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



PHẠM-THẾU-CỐN

QUỐC GIỚI : Dương sự đã kết hôn với Nguyễn Đăng Viêng
tại Tòa Hành-Chánh Quận II ngày 22.10.1971
chiếu theo báo thị hôn thứ số 2.96 ngày
3.11.1971.

QUỐC Y : Saigon, ngày 19.01.1972
Chánh-lục sự ký tên đọc không được và dấu.



ĐỒ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌ

HỘ-TỊCH

HVC/10b

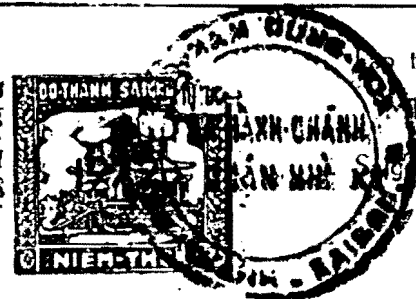
Số hiệu 6891-A

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bay mươi mốt (1971)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI THUY LINH
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười hai tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt, 8g35
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha	NGUYEN DANG VIENG Khai nhin dua nho la con
Tuổi	Hai mươi sáu
Nghề-nghiep	Tai xe
Nơi cư-ngụ	Saigon, 202DC/24 Phu Tho
Tên, họ người mẹ	NGUYEN THI KHUC Co nhin dua nho la con
Tuổi	Hai mươi mốt
Nghề-nghiep	Nơi tro
Nơi cư-ngụ	Saigon, 202DC/24 Phu Tho
Vợ chánh hay thứ	Được hợp theo hòa do hôn thú lập tại Quan li Saigon, ngày 22/10/1971.



tại Saigon, ngày 14 tháng 7 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 14 tháng 6 năm 1972

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NHÌ

QUYỀN-NHÂN-TƯỞNG

ĐỒ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM. CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH

QUẬN NHỊ

HỘ-TỊCH

HVC/IOb

Số Hộ: 10.231A

PHƯƠNG HUYỀN SI

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (1973)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	NGUYEN ĐANG PHAT
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, 17/50
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha . . .	NGUYEN ĐANG VIENG
Tuổi	Hai mươi tám
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, Binh Thoi
Tên, họ người Mẹ . . .	NGUYEN THI KHUC
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp	Nồi tro
Nơi cư-ngụ	Saigon, Binh Thoi
Chánh hay thê . . .	Vo chánh

Lập tại Saigon, ngày 26 tháng 10 năm 1973

TRÍCH-LỤC Y BÀN-CHÁNH

Saigon, ngày 2 tháng 11 năm 1973

TRƯỞNG QUẬN NHỊ

PHAM-DANG-NHAN

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự Do—Hạnh Phúc

Mẫu 1113/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 11Thành phố, Tỉnh HCMBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 2009Quyển số 11/75

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>NGUYỄN VĂN ĐIỀU</u>	Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Ngày ba tháng chín, năm một chín bảy lăm</u> (<u>03-09-1975</u>)	
Nơi sinh	<u>Bảo sanh - ĐỨC HẢI</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>NGUYỄN VĂN ĐIỀU</u> <u>1945</u>	<u>NGUYỄN THỊ KHUỐC</u> <u>1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Tài xế</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>202 DC/9</u>	<u>Bình thời</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	<u>Nguyễn Thị Khuốc</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 9 năm 1988TM/UBND PHẠM VĂN HỒNG ký tên đóng dấuĐã ký ngày 01 tháng 1 năm 1988
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)Ủy viên bộ tịch
(Kê ký)

HỒ - VĂN - HỊCH



Đã ký và ký

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường 05
Huyện, Quận 11
Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT
Số 151
Quyền 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm, sinh 19/05/1989 (Mười chín tháng năm, một chín tám chín)
Nơi sinh BV Hùng Vương
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

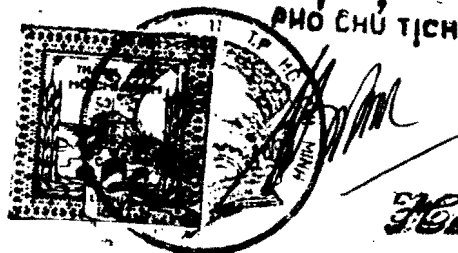
Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>NGUYỄN THỊ KHÚC</u>	<u>NGUYỄN ĐĂNG VIẾNG</u>
Tuổi	<u>1950</u>	<u>1945</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Buôn bán</u>	
Nơi thường trú	<u>202^{DC}/9A Ông Ích Khiêm</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Cậu: Nguyễn Hữu Chiến

Đã ký
NGUYỄN HỮU CHIẾN

Đăng ký ngày 05 tháng 06 năm 1989
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P. 5
PHÓ CHỦ TỊCH
VÕ VĂN CÔNG
(Đã ký và đóng dấu)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 6 tháng 6 năm 1989
T/M UBND
ký tên, đóng dấu



Trần Thị M.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020672316**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ KHÚC**



Sinh ngày: **16-6-1950**

Nguyên quán: **Hà Bắc.**

Nơi thường trú: **202DC/9A, Ông-
lại Khâm, TP. Hồ Chí Minh.**

ĐẠI LỢI

Kinh

Tên họ:

Phát

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sep chạm cách 4cm
trên trước đầu máy
trái.

Ngày 2-10-1979

CHIEU TRƯỞNG TÝ CÔNG AN
CÔNG AN QUẬN 11

NGON TRỐ TRAI

NGON TRỐ PHẢI



Minh Tuấn

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 575592 / CN

Họ và tên chủ hộ :

Ấp, ngõ, số nhà :

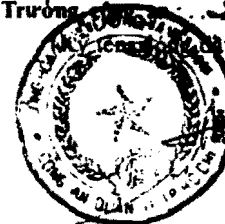
Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện, quận :

Ngày 12 tháng 03 năm 19...

Trưởng ban chấp hành (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

Đại úy: Lương Quang Sơn

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

KS

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Huỳnh Minh*
Mặt

☒ Card

☐ Thờ, bỏ tục, cảm ơn

☐ Giấy ra trai

☐ Cấp bằng, huy chương

☐ Hồ sơ đầy đủ (Thờ đủ hồ sơ)

☒ Computer

- Các thủ khác :

☐ Mẫu D

☐ ODP list

☐ Labels

☐ Folder

☐ Hồ sơ cần xerox

☐ Hồ sơ đã chuyển ODP
ngày _____